

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 06-4-2018

"V/v tranh chấp: ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thúy S, sinh năm: 1985

HKTT: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm: 1984

HKTT: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thúy S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn A tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012, ký ngày 09 tháng 3 năm

2012. Trong thời gian chung sống anh A thường xuyên cờ bạc, đề đóm, không lo cho kinh tế gia đình. Mặt khác, anh A thường ghen tuông vô cớ làm vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị nhiều lần bỏ qua, khuyên nhủ anh thay đổi để cùng lo cho con cái. Tuy nhiên, anh A vẫn không thay đổi mà bỏ bê công việc, không phụ giúp chị nuôi dạy con và càng lúc càng ghen tuông vợ có nhiều hơn có lời lẽ hành vi xúc phạm chị làm chị mất mặt với anh em đồng nghiệp. Đến khoảng tháng 9 năm 2017 chị về nhà bố mẹ chị sinh sống, anh A năn nỉ chị quay về chung sống lại nhưng chị không đồng ý đoàn tụ thì anh A đã dùng dây điện siết cổ chị. Nay chị thấy việc tiếp tục chung sống không mang lại hạnh phúc, chị rất sợ hãi với lời nói, hành vi của anh A, chị không còn tình cảm với anh A nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh A.

- Về nuôi con chung: Chị và anh A có 01 con chung tên là Phan Thanh T sinh năm 2012. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh A có tài sản chung gồm: Diện tích đất 432m² tại thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đất có 01 căn nhà gỗ. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00600, ký ngày 05/12/2013 đứng tên Phan Văn A và Trương Thúy S.

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa chị xin rút yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị S.

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu T cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn chị S.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 21/2012, ký ngày 09/3/201 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; Giấy khai sinh mang tên Phan Thanh T (bản photo chứng thực); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Trương Thúy S (bản photo chứng thực)

- Bản tự khai của nguyên đơn chị Trương Thúy S;
- Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 23-01-2018;
- Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 29-01-2018;
- Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 19-01-2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn A (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thúy S khai nhận chị và anh Phan Văn A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 09 tháng 3 năm 2012. Lời khai của chị Trương Thúy S phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (Bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thúy S và anh Phan Văn A là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo lời khai của chị Trương Thúy S thể hiện trong bản tự khai và tại phiên tòa thì trong thời gian chung sống anh Phan Văn A thường xuyên ghen tuông vô cớ, có lời nói hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Bản thân anh Phan Văn A không lo làm kinh tế, không chăm sóc vợ con mà còn cờ bạc, rượu chè. Chị Trương Thúy S và anh Phan Văn A đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly

thân anh Phan Văn A không thay đổi bản thân mà còn có hành vi đe dọa chị bằng việc dùng dây điện siết cổ chị khi chị không đồng ý quay về đoàn tụ. Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Mặt khác, anh Phan Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Phan Văn A vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thúy S.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trương Thúy S khai nhận chị và anh Phan Văn A có 01 con chung tên là Phan Thanh T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2012. Lời khai của chị Trương Thúy S phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Phan Thanh T đã được giao nộp hợp pháp. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng” nên có đủ cơ sở xác định cháu Phan Thanh T là con chung của anh Phan Văn A và chị Trương Thúy S.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Thanh T: Cháu Phan Thanh T mới 06 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Hiện chị Trương Thúy S là giáo viên dạy cấp 3, có thời gian và thu nhập ổn định. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Phan Thanh T theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Phan Thanh T cho chị Trương Thúy S trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phan Văn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Ngày 19 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa chị Trương Thúy S có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Trương Thúy S.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, nguyên đơn chị Trương Thúy S phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thúy S, chị Trương Thúy S được ly hôn với anh Phan Văn A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Thanh T sinh ngày 03 tháng 12 năm 2012 cho chị Trương Thúy S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Văn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thúy S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn. Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thúy S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã

nộp trước là 2.300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021677 ngày 05 tháng 12 năm 2017. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Trương Thúy S số tiền còn lại là 2.000.000đ.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06-4-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh